BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3843 /BDTTG-TGCP V/v chấp thuận Hiến chương sửa đổi lần thứ VIII của GHPGVN thông qua tại Đại hội đại biểu Phật giáo lần thứ X, nhiệm kỳ 2026 - 2031	*Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2026*

Kính gửi: Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Căn cứ Điều 23 và Điều 24 Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18/11/2016;

Sau khi xem xét hồ sơ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại văn bản ngày 12 tháng 11 năm 2026 về việc đăng ký sửa đổi Hiến chương lần thứ VIII của Giáo hội Phật giáo Việt Nam thông qua tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ X, nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Bộ Dân tộc và Tôn giáo có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận Hiến chương sửa đổi của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã được thông qua tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ X, nhiệm kỳ 2026 - 2031 gồm 12 chương, 70 điều *(kèm theo Hiến chương sửa đổi của Giáo hội Phật giáo Việt Nam).*

2. Đề nghị Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức phổ biến, quán triệt và hướng dẫn các cấp Giáo hội, chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ thực hiện đúng Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (tu chỉnh lần thứ VIII) đã được chấp thuận và tuân thủ các quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

Bộ Dân tộc và Tôn giáo trân trọng phúc đáp để Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam biết, triển khai công việc./.

Nơi nhận:
- Như trên (VP1+VP2);
- Bộ trưởng Nguyễn Đình Khang (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Hải Trung;
- Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ Công an (Cục A02);
- Ban Tôn giáo Chính phủ;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố: Đồng Tháp, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Huế, Hưng Yên, Ninh Bình;
- Lưu: VT, TGCP.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Nguyễn Hải Trung

HIẾN CHƯƠNG
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Trong hơn hai nghìn năm hiện diện trên đất nước Việt Nam, đồng hành cùng dân tộc, đạo Phật đã trở thành tôn giáo của dân tộc. Suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, trong sự nghiệp giải phóng dân tộc thống nhất đất nước, cũng như xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa ngày nay, tổ chức Phật giáo Việt Nam luôn luôn là thành viên tích cực, tin cậy, có trách nhiệm và vững mạnh trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Nguyện vọng thống nhất Phật giáo Việt Nam đã thực hiện qua các thời kỳ, nhưng chưa được trọn vẹn. Từ năm 1975, đất nước đã thống nhất, toàn dân đoàn kết phấn đấu vì mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh", Phật giáo Việt Nam đã hội đủ cơ duyên thực hiện nguyện vọng thống nhất trọn vẹn các tổ chức giáo hội, tổ chức hội và các hệ phái Phật giáo, thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào ngày 07/11/1981.

Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời là sự kết tinh trí tuệ, là nguyện vọng chân chính của tăng ni, cư sĩ, tín đồ Phật tử các tổ chức giáo hội, tổ chức hội, hệ phái Phật giáo trong cả nước, là chủ thể kế thừa lịch sử hàng nghìn năm của Phật giáo Việt Nam.

CHƯƠNG I
DANH XƯNG - HUY HIỆU - ĐẠO KỲ
ĐẠO CA - TRỤ SỞ

Điều 1. Danh xưng tổ chức Phật giáo Việt Nam trong toàn quốc là Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Sau đây gọi chung là "Giáo hội", viết tắt là "GHPGVN", tên tiếng Anh là: "Vietnam Buddhist Sangha", viết tắt là "VBS".

Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập năm 1981 trên cơ sở hợp nhất tự nguyện của 09 tổ chức giáo hội, tổ chức hội, các hệ phái Phật giáo trong cả nước, có đủ tư cách pháp lý, pháp nhân, đại diện tăng ni, tín đồ Phật tử Việt Nam ở trong nước và nước ngoài, là thành viên các tổ chức Phật giáo quốc tế mà Giáo hội Phật giáo Việt Nam tham gia với tư cách thành viên sáng lập hay thành viên.

Điều 2. Huy hiệu Giáo hội Phật giáo Việt Nam hình tròn, nền xanh lá cây đậm; ở giữa vòng trong có hoa sen màu trắng tám cánh, phía trong có gương sen 08 hạt màu trắng, biểu trưng cho Bát chính đạo; vòng ngoài có dòng chữ "Giáo hội Phật giáo Việt Nam" màu trắng.

Điều 3. Đạo kỳ Giáo hội Phật giáo Việt Nam chính là cờ Phật giáo thế giới có 05 màu, được chia thành 06 ô dọc. Thứ tự 05 ô đầu có các màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, vàng cam; ô thứ 06 chia thành 05 ô ngang, có 05 màu theo thứ tự: xanh, vàng, đỏ, trắng, vàng cam, biểu trưng cho 05 pháp: niềm tin, tinh tấn, chính niệm, thiền định, trí tuệ.

Điều 4. Đạo ca Giáo hội Phật giáo Việt Nam chính là ca khúc "Phật giáo Việt Nam", nhạc và lời do nhạc sĩ Lê Cao Phan sáng tác.

Điều 5. Nghi lễ Giáo hội Phật giáo Việt Nam tôn trọng văn hóa, biệt truyền của các hệ phái; đối với các cuộc lễ chung của Giáo hội phải thực hiện theo nghi thức thống nhất về ngôn ngữ, pháp phục, kinh tụng.

Điều 6. Trụ sở Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam

1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trụ sở Giáo hội Phật giáo Việt Nam đặt tại thành phố Hà Nội.

2. Văn phòng Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đặt tại trụ sở Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

3. Cơ quan Thường trực của Văn phòng Trung ương đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Văn phòng Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam được sử dụng con dấu riêng.

Điều 7. Con dấu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam:

1. Con dấu của Hội đồng Chứng minh hình vuông 40 mm x 40 mm; vành ngoài phía trên con dấu có dòng chữ: Giáo hội Phật giáo Việt Nam, vành ngoài phía dưới con dấu có dòng chữ: Hội đồng Chứng minh; giữa con dấu: hình hoa sen tám cánh, bên trong có các chữ: Ban Thường trực.

2. Con dấu của Hội đồng Trị sự hình tròn đường kính 37 mm; vành ngoài phía trên con dấu có dòng chữ: Giáo hội Phật giáo Việt Nam, vành ngoài phía dưới con dấu có dòng chữ: Hội đồng Trị sự; giữa con dấu: hình hoa sen tám cánh, bên trong có các chữ: Ban Thường trực Trung ương.

3. Con dấu của các Ban, Viện Trung ương thuộc Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam hình tròn đường kính 34 mm; xung quanh vành ngoài phía trên con dấu có dòng chữ: Giáo hội Phật giáo Việt Nam; vành ngoài phía dưới con dấu có dòng chữ: Hội đồng Trị sự; giữa con dấu: tên tổ chức dùng dấu là các Ban, Viện Trung ương.

4. Con dấu của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố hình tròn đường kính 34 mm; xung quanh vành ngoài phía trên con dấu có dòng

chữ: Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố; giữa con dấu: hình hoa sen tám cánh, bên trong có các chữ: Ban Trị sự.

5. Mẫu con dấu của tổ chức tôn giáo trực thuộc thống nhất về nhận diện: hình tròn đường kính 32 mm; vành ngoài phía trên con dấu ghi: Giáo hội Phật giáo Việt Nam; vành ngoài phía dưới con dấu ghi tên Ban, Viện Trung ương cấp trên trực tiếp quản lý; phần giữa con dấu ghi tên tổ chức dùng dấu. Trường hợp tên tổ chức dài hoặc loại hình đặc thù, bố cục chữ, kích thước và chi tiết nhận diện thực hiện theo mẫu riêng được Hội đồng Trị sự phê duyệt.

6. Con dấu của Ban Đại diện liên xã, phường, đặc khu hình vuông 32 mm x 32 mm; vành ngoài phía trên con dấu có dòng chữ: Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố; vành ngoài phía dưới con dấu ghi các xã, phường, đặc khu; giữa con dấu: hình hoa sen tám cánh, bên trong có các chữ: Ban Đại diện.

7. Hội đồng Trị sự ban hành phụ lục mẫu con dấu và quy chế quản lý, sử dụng con dấu; quy định thẩm quyền quyết định khắc, thay đổi, thu hồi, hủy dấu; việc bàn giao, bảo quản và trách nhiệm của người quản lý con dấu.

8. Các tổ chức, đơn vị chưa đủ điều kiện sử dụng con dấu riêng thực hiện giao dịch, văn bản theo cơ chế ký, đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền trực tiếp quản lý hoặc theo văn bản ủy quyền hợp lệ.

CHƯƠNG II
TÔN CHỈ - MỤC ĐÍCH - THÀNH PHẦN

Điều 8. Tôn chỉ và mục đích của Giáo hội Phật giáo Việt Nam

1. Tôn chỉ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là lý tưởng giác ngộ chân lý, hòa hợp chúng, hòa bình và công bằng xã hội theo giáo lý của Đức Phật.

2. Mục đích của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là hoằng dương Phật pháp, phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở trong nước và nước ngoài; giữ gìn và lan tỏa các giá trị văn hóa đặc trưng truyền thống của Phật giáo Việt Nam; tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, phục vụ dân tộc, góp phần xây dựng hòa bình, an lạc cho thế giới.

Điều 9. Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoạt động theo phương châm: "Đạo Pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội", trên cơ sở kính ngưỡng, phụng hành giáo pháp, theo đúng giới luật Phật chế, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, và pháp luật Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 10. Thành phần của Giáo hội Phật giáo Việt Nam bao gồm những thành viên là các tổ chức giáo hội, tổ chức hội, các hệ phái Phật giáo, tăng ni, cư sĩ, phật tử Việt Nam ở trong nước và nước ngoài đã tự nguyện gia nhập, sáp

nhập, hợp nhất là thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và chấp nhận bản Hiến chương này.

Điều 11. Thành phần nhân sự tham gia lãnh đạo các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam là những tăng ni, cư sĩ, phật tử có uy tín, năng lực làm việc, đạo hạnh tốt, tiêu biểu cho các thành viên Giáo hội ở các cấp Giáo hội Phật giáo Việt Nam; có công đức với đạo pháp, dân tộc và trung thành với Tổ quốc; đảm bảo tính đại diện của các tổ chức giáo hội, tổ chức hội, hệ phái Phật giáo là thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

CHƯƠNG III
NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC

Điều 12. Nguyên tắc hoạt động

1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức và hoạt động trên nền tảng giáo lý, giới luật Phật chế, tinh thần lục hòa; bảo đảm sự thống nhất về tổ chức, đường lối hoạt động, hòa hợp trong Tăng đoàn và tôn trọng truyền thống tu học chính pháp của các hệ phái và pháp môn tu hành đúng chính pháp.

2. Hoạt động quản lý, điều hành thực hiện theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quản trị; phân định rõ trách nhiệm của từng cấp và người đứng đầu. Những vấn đề thuộc đạo pháp và giới luật được giải quyết theo giáo luật Phật chế và thẩm quyền của Hội đồng Chứng minh.

Điều 13. Hệ thống tổ chức và tổ chức tôn giáo trực thuộc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam

1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam có ba cấp hành chính:

a) Cấp Trung ương: Hội đồng Chứng minh và các cơ quan của Hội đồng Chứng minh; Hội đồng Trị sự và các cơ quan của Hội đồng Trị sự.

b) Cấp tỉnh, thành phố: Chứng minh Ban Trị sự; Ban Trị sự và các cơ quan của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố.

c) Cấp cơ sở: Ban Quản trị cơ sở tự viện.

2. Tổ chức tôn giáo trực thuộc:

a) Tổ chức tôn giáo trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức được thành lập, công nhận theo Hiến chương, quy định của Giáo hội và pháp luật; chịu sự lãnh đạo, quản lý của Hội đồng Trị sự; thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo quyết định thành lập, công nhận và quy chế tổ chức, hoạt động trong phạm vi cả nước.

b) Tổ chức tôn giáo trực thuộc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm: Ban, Viện Trung ương thuộc Hội đồng Trị sự; Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố và các Ban chuyên môn thuộc Ban Trị sự tỉnh, thành phố; các cơ sở đào tạo của Giáo hội: Học viện Phật giáo Việt Nam, Trường

Trung cấp Phật học và các cơ sở đào tạo tôn giáo của các cấp Giáo hội; Ban Quản trị cơ sở tự viện và các tổ chức tôn giáo trực thuộc khác do Giáo hội thành lập theo quy định của pháp luật.

c) Hội đồng Trị sự quyết định bổ nhiệm ban lãnh đạo, ban hành quy chế hoạt động quy định cụ thể cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc và trình tự kiện toàn ban lãnh đạo các tổ chức tôn giáo trực thuộc, phù hợp với đặc điểm từng loại hình tổ chức. Nhiệm kỳ của ban lãnh đạo và các thành viên ban lãnh đạo là 05 năm theo nhiệm kỳ của cấp Giáo hội thành lập và quản lý trực tiếp, trừ trường hợp Hiến chương hoặc quy chế của Giáo hội có quy định khác. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, bổ sung nhân sự trong nhiệm kỳ do cơ quan Giáo hội có thẩm quyền quyết định.

d) Việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc thay đổi tên gọi, trụ sở, phạm vi hoạt động thực hiện theo thẩm quyền của Giáo hội và trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

đ) Tổ chức tôn giáo trực thuộc được sử dụng con dấu riêng khi đủ điều kiện theo pháp luật và được Hội đồng Trị sự cho phép theo quy định nội bộ; không sử dụng con dấu của tổ chức cấp trên khi chưa được ủy quyền. Mẫu con dấu của tổ chức tôn giáo trực thuộc quy định tại Điều 7 của Hiến chương này.

Điều 14. Hoạt động tôn giáo trên không gian mạng

1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các tổ chức tôn giáo trực thuộc, cơ sở tự viện, tăng ni, nhà tu hành và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi thực hiện hoạt động tôn giáo trên không gian mạng phải tuân thủ giáo lý, giới luật Phật giáo, Hiến chương, quy chế của Giáo hội và quy định của pháp luật; bảo đảm tính chính pháp, giữ gìn sự đoàn kết, hòa hợp và uy tín của Giáo hội.

2. Hội đồng Trị sự thống nhất quản lý, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động tôn giáo trên không gian mạng trong toàn Giáo hội. Các tổ chức tôn giáo trực thuộc và người đứng đầu chịu trách nhiệm quản lý hoạt động, nội dung thông tin và các nền tảng số chính thức thuộc phạm vi quản lý.

3. Việc tổ chức hoạt động tôn giáo trên không gian mạng phải thực hiện các thủ tục thông báo, đăng ký hoặc đề nghị với Hội đồng Trị sự và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong những trường hợp pháp luật quy định. Việc phát ngôn nhân danh Giáo hội phải đúng thẩm quyền hoặc được ủy quyền theo quy định.

4. Không được lợi dụng hoạt động tôn giáo trên không gian mạng để xuyên tạc giáo lý, giả mạo danh nghĩa Giáo hội, chia rẽ Tăng đoàn, truyền bá thông tin sai sự thật, trục lợi hoặc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; không được sử dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ số vào các mục đích trái pháp luật.

5. Hội đồng Trị sự ban hành quy chế quản lý hoạt động tôn giáo trên không gian mạng, quy định cụ thể trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, việc quản lý thông tin, bảo đảm an toàn dữ liệu, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm.

Điều 15. Quan hệ giữa Giáo hội với các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức tôn giáo và tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Quan hệ giữa Giáo hội với cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức tôn giáo khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng, bình đẳng, đoàn kết, hợp tác, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Giáo hội và quy định của pháp luật.

2. Việc thiết lập quan hệ, hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài được thực hiện theo thẩm quyền, sự phân cấp của Giáo hội và quy định của pháp luật.

3. Hội đồng Trị sự quy định cụ thể cơ chế phân cấp, phối hợp và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quan hệ nêu trên.

CHƯƠNG IV
HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

Điều 16. Hội đồng Chứng minh gồm các vị tôn đức Hòa thượng tiêu biểu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ 70 tuổi đời và 50 tuổi đạo trở lên; đã từng tham gia Hội đồng Trị sự, lãnh đạo Ban Trị sự tỉnh, thành phố, hoặc là thành phần thập sư tại các giới đàn, hoặc đã là Chứng minh Ban Trị sự từ một nhiệm kỳ trở lên; có nhiều công lao đóng góp cho đạo pháp và dân tộc. Các vị tôn đức Hòa thượng tham gia làm thành viên Hội đồng Chứng minh phải được Ban Thường trực Hội đồng Trị sự giới thiệu đề nghị suy tôn và được Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh phê chuẩn. Nghi thức suy tôn diễn ra tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc hoặc Hội nghị toàn thể Hội đồng Trị sự.

Điều 17. Các vị tôn đức Hòa thượng được suy tôn vào Hội đồng Chứng minh thì không tham gia trong Hội đồng Trị sự. Ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt là lãnh đạo chủ chốt của Hội đồng Trị sự, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thường trực.

Điều 18. Các vị tôn đức Hòa thượng thành viên Hội đồng Chứng minh tại vị trọn đời. Trong trường hợp đặc biệt phải miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thì phải có đa số 2/3 thành viên Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh tại hội nghị biểu quyết chấp thuận.

Điều 19. Hội đồng Chứng minh là cơ quan lãnh đạo tối cao về đạo pháp và giới luật của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Hội đồng Chứng minh suy cử Ban Thường trực, Ban Giám luật và các Ban chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ giữa hai kỳ Đại hội; hướng dẫn, giám sát việc tuân thủ giáo luật và Hiến chương. Hội đồng Chứng minh không trực tiếp điều hành hoạt động hành chính thường xuyên thuộc thẩm quyền của Hội đồng Trị sự, trừ trường hợp Hiến chương có quy định khác.

Điều 20. Cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh

1. Số lượng thành viên Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh do Hội đồng Chứng minh quyết định. Cơ cấu Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh gồm các chức danh:

a) Đức Pháp chủ;

b) Các vị Phó Pháp chủ;

c) Các vị Giám luật;

d) Chánh Thư ký;

đ) Các vị Phó Thư ký;

e) Chánh Văn phòng;

g) Ủy viên Thường trực.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Chứng minh các Hội nghị Trung ương và Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam;

b) Lãnh đạo, hướng dẫn và giám sát tối cao các hoạt động của Giáo hội, Hội đồng Trị sự về mặt đạo pháp và giới luật;

c) Xét duyệt, phê chuẩn tấn phong giáo phẩm hòa thượng, thượng tọa, ni trưởng, ni sư thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam;

d) Chuẩn y khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam;

đ) Ban hành thông điệp Phật đản, thư chúc Tết, thông điệp trong những sự kiện trọng đại, sự kiện đặc biệt của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và của đất nước;

e) Thành lập Văn phòng Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, Ban Giám luật và các Ban chuyên môn. Văn phòng và các Ban chuyên môn là cơ quan giúp việc Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh.

Điều 21. Các cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng Chứng minh:

1. Văn phòng Hội đồng Chứng minh;

2. Ban Giám luật;

3. Các Ban chuyên môn khác do Hội đồng Chứng minh thành lập.

Điều 22. Đức Pháp chủ

1. Là vị trưởng lão hòa thượng từ 75 tuổi đời và 50 tuổi đạo trở lên. Đã từng giữ các chức danh lãnh đạo cấp cao của Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự, tiêu biểu về đạo hạnh và trí tuệ, có nhiều công đức và công lao to lớn đối với đạo pháp và dân tộc.

2. Đức Pháp chủ ký và ban hành các giáo chỉ, chỉ đạo đối với các chủ trương của Giáo hội; ký và ban hành thông điệp Phật đản, thư chúc Tết, thông điệp trong những sự kiện trọng đại, sự kiện đặc biệt của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và của đất nước.

Điều 23. Phó Pháp chủ

Là các vị trưởng lão hòa thượng có nhiều công đức và công lao to lớn đối với đạo pháp và dân tộc. Bảo đảm từ 75 tuổi đời và 50 tuổi đạo trở lên. Đã tham gia các Ban chuyên môn thuộc Hội đồng Chứng minh; đã trải qua các nhiệm kỳ tham gia Ban Thường trực Hội đồng Trị sự hoặc đã từng đảm trách chức danh Trưởng Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố; là các vị trưởng lão hòa thượng tiêu biểu, đứng đầu các hệ phái Phật giáo thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Điều 24. Nhiệm kỳ của Hội đồng Chứng minh.

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng Chứng minh là 05 năm, tương ứng với nhiệm kỳ Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

2. Trong thời gian của nhiệm kỳ, nếu Đức Pháp chủ khuyết vị thì Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh cung thỉnh một trong các vị Phó Pháp chủ đảm nhiệm Quyền Pháp chủ và thông báo kết quả suy tôn tới Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Trị sự biết để tiến hành suy tôn chính thức tại Hội nghị toàn thể Hội đồng Trị sự hoặc Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc. Đối với các chức danh khác bị khuyết vị, nếu cần thiết Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh suy cử một trong các thành viên Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh kiêm nhiệm cho đến hết nhiệm kỳ.

CHƯƠNG V
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

Điều 25. Thành viên và nhiệm kỳ Hội đồng Trị sự

1. Hội đồng Trị sự là cơ quan điều hành, quản lý hành chính cao nhất của Giáo hội Phật giáo Việt Nam về mọi mặt hoạt động giữa hai nhiệm kỳ.

2. Hội đồng Trị sự gồm chư tôn đức hòa thượng, thượng tọa, ni trưởng, ni sư, quý vị đại đức tăng ni, và cư sĩ, tín đồ Phật tử tiêu biểu có nhiều công đức, thành tích đóng góp cho đạo pháp và dân tộc.

3. Số lượng thành viên Hội đồng Trị sự do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự đương nhiệm đề xuất trên cơ sở bảo đảm có đầy đủ đại diện các Ban, Viện Trung ương và Ban Trị sự tỉnh, thành phố; đồng thời bảo đảm tính đại diện của các tổ chức giáo hội, tổ chức hội, hệ phái Phật giáo là thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, do Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam quyết định và tiến hành biểu quyết suy cử tại Đại hội.

4. Nhiệm kỳ của Hội đồng Trị sự là 05 năm tương ứng với kỳ Đại hội Phật giáo toàn quốc.

Điều 26. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Trị sự:

1. Suy cử Ban Thường trực Hội đồng Trị sự theo quy định của Hiến chương.

2. Ấn định chương trình hoạt động hàng năm của Giáo hội theo Nghị quyết của Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

3. Tổ chức triển khai thực hiện, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình hoạt động Phật sự toàn nhiệm kỳ, chương trình hoạt động Phật sự hàng năm, chương trình chuyên biệt và những sự kiện trọng đại của Giáo hội.

4. Tổ chức hướng dẫn, quản lý, điều hành, chỉ đạo các mặt công tác của các cấp Giáo hội từ Trung ương đến địa phương; ban hành quy chế, nội quy để cụ thể hóa và thực thi theo các quy định của Hiến chương, nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

5. Phân công, luân chuyển nhân sự Hội đồng Trị sự tham gia Ban Trị sự trên cơ sở trao đổi với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại địa phương trong trường hợp Ban Trị sự tỉnh, thành phố thiếu nhân sự; trong trường hợp cần thiết do Ban Trị sự tỉnh, thành phố đề nghị nhằm đảm bảo sự ổn định, đoàn kết, hòa hợp của Ban Trị sự địa phương.

6. Chuẩn y nhân sự các Ban, Viện chuyên môn của Hội đồng Trị sự; nhân sự Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố.

7. Quyết định bổ nhiệm trụ trì các cơ sở tôn giáo do Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp Trung ương thành lập, quản lý trên cơ sở tham khảo ý kiến với hệ phái, sơn môn và cơ quan có thẩm quyền.

8. Giới thiệu tăng ni, cư sĩ, phật tử tham gia các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp Trung ương.

9. Là cơ quan duy nhất giữ quyền phát ngôn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, có trách nhiệm về nội dung phát ngôn của các cơ quan, cá nhân trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Quản lý hoạt động thông tin truyền thông có liên quan đến Giáo hội Phật giáo Việt Nam; có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc xử lý các tổ chức, cá nhân phát ngôn, thông tin truyền thông có nội dung xuyên tạc, thiếu chính xác, thiếu khách quan liên quan đến niềm tin đạo Phật và đến tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp và các thành viên Giáo hội.

10. Đề nghị cơ quan Nhà nước xử lý đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Giáo hội Phật giáo Việt Nam vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của cơ sở tự viện và thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

11. Kiểm tra, xử lý các vi phạm giáo luật Phật chế, Hiến chương, quy chế, nội quy và các quy định khác của Giáo hội.

12. Phê chuẩn kế hoạch, chương trình hoạt động Phật sự của Ban, Viện Trung ương, Văn phòng Trung ương Giáo hội, các tổ chức trực thuộc, thành viên trực thuộc Trung ương và Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố.

13. Đề nghị Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh tấn phong trước kỳ hạn trong trường hợp đặc biệt cần thiết đối với nhân sự bổ sung vào các chức vụ bị khuyết thuộc thẩm quyền suy cử của Hội đồng Trị sự.

14. Tổng hợp ý kiến của chư tăng ni, cư sĩ, phật tử thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam để phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền về chủ trương, chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động tôn giáo.

15. Các quyền và nhiệm vụ khác được Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh ủy quyền hoặc có quy định trong Hiến chương và quy chế hoạt động của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự.

16. Quyết định thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định của pháp luật.

17. Ủy quyền cho Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đăng ký các điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Quy định độ tuổi thành viên Hội đồng Trị sự

1. Thành viên tham gia Hội đồng Trị sự phải bảo đảm từ 35 tuổi đời đến 75 tuổi đời. Thành viên được giới thiệu tham gia Hội đồng Trị sự lần đầu phải đảm bảo đủ độ tuổi tham gia trọn hai nhiệm kỳ; Thành viên tái cử phải bảo đảm đủ tuổi tham gia ít nhất 03 năm của nhiệm kỳ.

2. Đối với chức danh chủ chốt, lãnh đạo cấp cao của Hội đồng Trị sự quá độ tuổi theo quy định cần phải thêm nhiệm kỳ công tác được giới thiệu để Đại hội suy cử sau khi được Ban Thường trực Hội đồng Trị sự khóa đương nhiệm chấp thuận với đa số 2/3 tổng số đại biểu tham dự hội nghị biểu quyết tán thành và được Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh phê chuẩn bằng Giáo chỉ.

3. Trình tự, thủ tục cơ cấu nhân sự Hội đồng Trị sự tuân theo nguyên tắc:

a) Việc giới thiệu nhân sự tham gia Hội đồng Trị sự nhiệm kỳ mới phải tiến hành dân chủ, công khai, đầy đủ thành phần đại diện cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở trong nước và nước ngoài.

b) Danh sách nhân sự phải trình Ban Thường trực Hội đồng Trị sự khóa đương nhiệm thẩm tường, trước khi đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm

quyền và được Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam suy cử.

c) Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trưởng Ban, Viện Trung ương phải là chức sắc hàng giáo phẩm.

Điều 28. Ban, Viện Trung ương trực thuộc Hội đồng Trị sự

1. Ban, Viện Trung ương là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng Trị sự để triển khai các hoạt động Phật sự theo quy định của Hiến chương Giáo hội và quy chế do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự ban hành.

2. Hội đồng Trị sự có các Ban, Viện:

a) Ban Tăng sự;

b) Ban Giáo dục Phật giáo;

c) Ban Hoằng pháp và Hướng dẫn Phật tử;

d) Ban Văn hóa - Nghi lễ Phật giáo;

đ) Ban Kinh tế Tài chính và Từ thiện Xã hội;

e) Ban Phật giáo quốc tế;

g) Ban Pháp chế - Kiểm soát;

h) Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.

3. Trong trường hợp cần thiết phải sáp nhập, thành lập Ban, Viện, tổ chức trực thuộc Trung ương sẽ do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự thống nhất và thông qua tại Hội nghị toàn thể của Hội đồng Trị sự và thực hiện quy trình theo quy định của pháp luật Nhà nước hiện hành.

4. Ban, Viện Trung ương được phép thành lập các bộ phận chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ chuyên trách theo chức năng của các Ban, Viện và được Ban Thường trực Hội đồng Trị sự quyết định thành lập và giải thể theo Hiến chương, quy chế hoạt động của Giáo hội.

Điều 29. Cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự

1. Ban Thường trực Hội đồng Trị sự là cơ quan thường trực của Hội đồng Trị sự, có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng Trị sự và điều hành các hoạt động Phật sự thường xuyên giữa hai kỳ họp. Ban Thường trực thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Hiến chương và theo phân công, ủy quyền của Hội đồng Trị sự; không thay thế thẩm quyền quyết định tập thể mà Hiến chương giao riêng cho Hội đồng Trị sự. Trong trường hợp cấp thiết, Ban Thường trực xử lý theo phạm vi được ủy quyền và báo cáo Hội đồng Trị sự tại kỳ họp gần nhất. Tập thể và từng thành viên chịu trách nhiệm về quyết định thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao.

2. Số lượng thành viên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự không quá 25% tổng số Ủy viên chính thức của Hội đồng Trị sự. Thành viên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự làm việc theo chế độ chuyên trách và chịu trách nhiệm toàn diện về các hoạt động chuyên ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ trên phạm vi toàn quốc.

3. Cơ cấu Ban Thường trực Hội đồng Trị sự gồm các chức danh:

a) Chủ tịch;

b) Phó Chủ tịch Thường trực;

c) Các Phó Chủ tịch;

d) Tổng Thư ký;

đ) Các Trưởng ban chuyên môn thuộc Hội đồng Trị sự và Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam;

e) Các Phó Tổng Thư ký;

g) Các Ủy viên Thư ký;

h) Ủy viên Thường trực gồm một số Trưởng ban Ban Trị sự tỉnh, thành phố tiêu biểu; Phó ban Thường trực Ban, Viện Trung ương trực thuộc Hội đồng Trị sự; lãnh đạo hệ phái thành viên Giáo hội;

i) Ủy viên Thủ quỹ.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng Trị sự

1. Chủ tịch Hội đồng Trị sự là người đứng đầu Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội đồng Trị sự; là người đại diện pháp lý của Giáo hội. Chủ tịch Hội đồng Trị sự là người thay mặt Giáo hội Phật giáo Việt Nam về mặt pháp lý trong các mối quan hệ ở trong nước và ngoài nước.

2. Chủ tịch Hội đồng Trị sự có quyền hạn:

a) Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Hiến chương, nghị quyết, chương trình, kế hoạch và các quyết định của Giáo hội;

b) Triệu tập, chủ trì các hội nghị, phiên họp của Hội đồng Trị sự và Ban Thường trực Hội đồng Trị sự;

c) Chỉ đạo, điều phối, kiểm tra hoạt động Phật sự của các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam các tỉnh, thành phố và tổ chức tôn giáo trực thuộc;

d) Đại diện Giáo hội trong các hoạt động đối nội, đối ngoại; thực hiện quan hệ, hợp tác với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế theo thẩm quyền.

đ) Chủ tịch Hội đồng Trị sự ủy quyền bằng văn bản cho chư tôn đức lãnh đạo chủ chốt của Hội đồng Trị sự thay thế điều hành hội nghị, đại hội và điều hành hoạt động của Giáo hội khi Chủ tịch vắng mặt.

3. Chủ tịch Hội đồng Trị sự giữ quyền phát ngôn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở trong nước và ngoài nước.

4. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng Trị sự là 05 năm tương ứng với nhiệm kỳ của Hội đồng Trị sự.

5. Nếu Chủ tịch Hội đồng Trị sự khuyết vị khi chưa hết nhiệm kỳ, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự tổ chức hội nghị bất thường suy cử Phó Chủ tịch Thường trực đảm nhiệm chức vụ Quyền Chủ tịch Hội đồng Trị sự để điều hành công tác Phật sự và tiến hành suy cử chính thức tại Hội nghị toàn thể Hội đồng Trị sự.

Điều 31. Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự

1. Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự giúp Chủ tịch Hội đồng Trị sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động Phật sự theo lĩnh vực, địa bàn và nhiệm vụ được phân công; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Hội đồng Trị sự và Ban Thường trực Hội đồng Trị sự về nhiệm vụ được giao.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức thực hiện Hiến chương, nghị quyết, chương trình, kế hoạch và quyết định của Hội đồng Trị sự, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự trong phạm vi được phân công;

b) Đại diện Giáo hội trong hoạt động đối nội, đối ngoại theo sự phân công, ủy quyền;

c) Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự thực hiện nhiệm vụ theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; chịu trách nhiệm trong phạm vi được phân công, ủy quyền và không quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của cấp có thẩm quyền khi chưa được phân công, ủy quyền.

CHƯƠNG VI
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TỈNH, THÀNH PHỐ

Điều 32. Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố

1. Mỗi tỉnh, thành phố theo địa giới hành chính quốc gia được thành lập tổ chức Giáo hội với danh xưng là Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố.

2. Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố gồm: Ban Trị sự và Chứng minh Ban Trị sự.

3. Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố do đại hội suy cử để điều hành Phật sự. Ban Trị sự là cơ quan hành chính, điều hành, quản lý trực tiếp mọi mặt hoạt động Phật sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong địa bàn tỉnh, thành phố. Số lượng thành viên Ban Trị sự thực hiện theo quy chế hoạt động của Ban Trị sự được Ban Thường trực Hội đồng Trị sự phê chuẩn.

4. Nhiệm kỳ của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố là 05 năm tương ứng với nhiệm kỳ Đại hội đại biểu Phật giáo tỉnh, thành phố.

Điều 33. Thành viên Ban Trị sự

1. Chư tôn đức làm Chứng minh Ban Trị sự do đại hội suy tôn hoạt động theo nguyên tắc và quyền hạn được quy định tại Điều 19 của Hiến chương này áp dụng tại địa phương.

2. Thành viên Ban Trị sự là tăng ni, cư sĩ, phật tử có uy tín, năng lực làm việc, đạo hạnh tốt, có công đức đối với đạo pháp và dân tộc, đảm bảo tính đại diện của các tổ chức giáo hội, tổ chức hội, hệ phái Phật giáo là thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

3. Trong trường hợp cần thiết, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự sẽ công cử thành viên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự đảm nhiệm chức vụ Trưởng ban Ban Trị sự tỉnh, thành phố.

Điều 34. Quy định độ tuổi thành viên Ban Trị sự

1. Thành viên tham gia Ban Trị sự tỉnh, thành phố phải bảo đảm từ 25 đến 70 tuổi đời. Thành viên được giới thiệu tham gia Ban Trị sự lần đầu phải bảo đảm tối thiểu đủ độ tuổi tham gia trọn một nhiệm kỳ; Thành viên tái cử phải bảo đảm đủ tuổi tham gia 03 năm của nhiệm kỳ.

2. Đối với chư tôn đức là Ủy viên Hội đồng Trị sự tham gia Ban Trị sự tỉnh, thành phố áp dụng theo khoản 1 ở trên.

Điều 35. Trình tự, thủ tục cơ cấu nhân sự Ban Trị sự

1. Việc giới thiệu nhân sự tham gia Ban Trị sự tỉnh, thành phố nhiệm kỳ mới phải tiến hành dân chủ, công khai, đầy đủ thành phần đại diện cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong địa bàn tỉnh, thành phố.

2. Danh sách nhân sự phải trình Ban Thường trực Hội đồng Trị sự thẩm tường, trước khi đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Trưởng ban, Phó Trưởng ban Ban Trị sự tỉnh, thành phố phải là chức sắc tôn đức tăng ni.

4. Chư tôn đức khi đã được suy tôn làm Chứng minh Ban Trị sự thì không tham gia trong Ban Trị sự.

Điều 36. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Trị sự

1. Tổ chức thực hiện chủ trương, đường hướng, chương trình hoạt động Phật sự tại địa phương theo sự hướng dẫn của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam;

2. Ấn định chương trình hoạt động hàng năm theo nghị quyết, chương trình hoạt động Phật sự của Đại hội đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố đề ra;

3. Tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình hoạt động Phật sự toàn nhiệm kỳ, chương trình hoạt động Phật sự hàng năm, chương trình chuyên biệt và những sự kiện trọng đại của Giáo hội tại địa phương;

4. Kiểm tra, hướng dẫn, quản lý, điều hành các mặt công tác Phật sự của các Ban chuyên môn trực thuộc Ban Trị sự tỉnh, thành phố và các thành viên của Giáo hội tại địa phương.

5. Suy cử Ban Thường trực Ban Trị sự tỉnh, thành phố;

6. Số lượng thành viên Ban Thường trực Ban Trị sự và các chức danh Ban Thường trực thực hiện theo Hiến chương và Quy chế hoạt động của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố;

7. Chuẩn y thành phần nhân sự các Ban chuyên môn, Ban Giám hiệu cơ sở giáo dục đào tạo, cơ sở bảo trợ xã hội trực thuộc Ban Trị sự tỉnh, thành phố;

8. Thông qua quy chế, nội quy hoạt động của các Ban chuyên môn, Ban Giám hiệu cơ sở giáo dục đào tạo trực thuộc Ban Trị sự tỉnh, thành phố;

9. Giới thiệu tăng ni, cư sĩ, phật tử tham gia các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương.

10. Thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Ban Đại diện Phật giáo liên xã, phường, đặc khu có địa bàn hoạt động trong phạm vi một tỉnh, thành phố. Được quyền chỉ định, phân công, luân chuyển nhân sự của Ban Trị sự tỉnh, thành phố tham gia Ban Đại diện.

11. Tổng hợp ý kiến của các thành viên trong địa bàn tỉnh, thành phố để phản ánh đến Trung ương Giáo hội, cơ quan Nhà nước tại địa phương về chủ trương, chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động tôn giáo; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tổ chức, cá nhân là thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong địa bàn tỉnh, thành phố.

12. Quyết định bổ nhiệm trụ trì, bổ nhiệm trưởng ban quản trị các cơ sở tự viện do Ban Trị sự tỉnh, thành phố thành lập, quản lý. Trong trường hợp có ý kiến của hệ phái, sơn môn thì cần trao đổi, tham vấn và đăng ký bổ nhiệm với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

13. Phê chuẩn kế hoạch, chương trình hoạt động của các ban chuyên môn, Ban Quản trị cơ sở tự viện; trường trung cấp trực thuộc Ban Trị sự tỉnh, thành phố.

14. Các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định tại quy chế hoạt động Ban Trị sự tỉnh, thành phố do Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam ban hành.

15. Thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp có địa bàn hoạt động trong phạm vi một tỉnh theo quy định của pháp luật.

16. Ra quyết định phê chuẩn việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đạo tràng, câu lạc bộ Phật tử tại các cơ sở tự viện trên địa bàn của tỉnh, thành phố quản lý. Đăng ký hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật.

17. Được quyền thay mặt Hội đồng Trị sự để tiến hành đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung tại địa phương.

Điều 37. Cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường trực Ban Trị sự

1. Ban Thường trực Ban Trị sự tỉnh, thành phố là cơ quan thường trực của Ban Trị sự tỉnh, thành phố; được Ban Trị sự tỉnh, thành phố ủy quyền thay mặt lãnh đạo, quản lý, điều hành các hoạt động của các cấp Giáo hội tại địa phương trên mọi công tác đối nội, đối ngoại.

2. Các ban chuyên môn thuộc Ban Trị sự tỉnh, thành phố là cơ quan giúp việc Ban Trị sự, chịu sự điều hành chung của Ban Thường trực Ban Trị sự và thực hiện theo chỉ đạo về hoạt động chuyên ngành của Ban, Viện Trung ương.

3. Cơ cấu Ban Thường trực Ban Trị sự gồm các chức danh:

a) Trưởng ban;

b) Phó Trưởng ban Thường trực;

c) Các Phó Trưởng ban;

d) Các Trưởng ban chuyên môn tương ứng với các Ban, Viện Trung ương trực thuộc Hội đồng Trị sự;

đ) Chánh Thư ký;

e) Các Phó Thư ký;

g) Ủy viên Thường trực gồm một số Trưởng ban Ban Đại diện liên xã, phường, đặc khu; Trưởng ban, Phó ban Thường trực Ban chuyên môn trực thuộc Ban Trị sự; lãnh đạo hệ phái thành viên Giáo hội ở Ban Trị sự;

h) Thủ quỹ.

Điều 38. Chức năng, quyền hạn của Trưởng ban Ban Trị sự tỉnh, thành phố

1. Trưởng ban Ban Trị sự tỉnh, thành phố là người thay mặt Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố về mặt pháp lý trong các mối quan hệ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở trong tỉnh hoặc thành phố.

2. Trưởng ban Ban Trị sự tỉnh, thành phố hoặc người được Trưởng ban Ban Trị sự tỉnh, thành phố ủy quyền, giữ quyền phát ngôn của Giáo hội tại địa phương.

3. Khi Trưởng ban Ban Trị sự có duyên sự đặc biệt phải vắng mặt, sẽ ủy quyền bằng văn bản cho Phó Trưởng ban Thường trực hoặc một Phó Trưởng ban để thay mặt điều hành hội nghị, đại hội và các Phật sự khác của Ban Trị sự.

4. Trường hợp Trưởng ban Ban Trị sự khuyết vị khi chưa hết nhiệm kỳ, Ban Thường trực Ban Trị sự tổ chức hội nghị bất thường suy cử Phó Trưởng ban Thường trực đảm nhiệm chức vụ Quyền Trưởng ban Ban Trị sự để điều hành công tác Phật sự. Những trường hợp khuyết vị khác không có quy định tại chương VI của Hiến chương thì Ban Thường trực Hội đồng Trị sự quyết định và áp dụng cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 39. Ban Đại diện

1. Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố có thể thành lập Ban Đại diện liên xã, phường, đặc khu để phối hợp công tác tại địa bàn.

2. Ban Đại diện là bộ phận đại diện công tác thuộc Ban Trị sự cấp tỉnh, không phải một cấp Giáo hội độc lập.

3. Ban Đại diện thực hiện nhiệm vụ theo phân công, ủy quyền bằng văn bản của Ban Trị sự cấp tỉnh.

4. Ban Đại diện hoạt động theo nhiệm kỳ của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố.

Điều 40. Cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Đại diện

1. Ban Đại diện do Ban Trị sự tỉnh, thành phố chỉ định, phân công chư tôn đức tăng ni đang sinh hoạt Phật sự tại các cơ sở tự viện trên địa bàn xã, phường, đặc khu tham gia Ban Đại diện.

2. Cơ cấu gồm:

a) Chánh Đại diện;

b) Phó Đại diện;

c) Thư ký;

d) Các Ủy viên.

3. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các thông tư, thông bạch, chương trình hoạt động Phật sự của các cơ sở tự viện trên địa bàn phụ trách theo sự hướng dẫn của Ban Trị sự tỉnh, thành phố.

b) Tham mưu, đề xuất việc bổ nhiệm trụ trì và các thành viên ban quản trị cho Ban Thường trực Ban Trị sự tỉnh, thành phố phê duyệt, quyết định sau khi được sự thống nhất với chính quyền xã, phường, đặc khu và thống nhất với sơn môn, hệ phái.

c) Tổng hợp ý kiến của tăng ni, cư sĩ, tín đồ Phật tử các cơ sở tự viện trong địa bàn phụ trách để phản ánh đến Ban Trị sự tỉnh, thành phố và cơ quan nhà nước tại địa phương về chủ trương, chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động tôn giáo; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của tăng ni, cư sĩ, tín đồ Phật tử theo quy định của pháp luật.

d) Tham mưu cho Ban Trị sự tỉnh, thành phố giới thiệu tăng ni, cư sĩ, phật tử tham gia các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương.

đ) Chánh Đại diện là người đại diện, thay mặt cho Ban Trị sự tỉnh, thành phố về pháp lý trong mối liên hệ với chính quyền xã, phường, đặc khu đối với các hoạt động Phật sự trên địa bàn. Chánh Đại diện được Trưởng ban Ban Trị sự tỉnh, thành phố ủy quyền, giữ quyền phát ngôn của Ban Trị sự tại địa phương.

e) Các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định tại quy chế hoạt động của Ban Trị sự tỉnh, thành phố.

CHƯƠNG VII
BAN QUẢN TRỊ CƠ SỞ TỰ VIỆN

Điều 41. Chùa, tổ đình, tịnh xá, thiền viện, tu viện, tịnh viện, tịnh thất, niệm Phật đường là cơ sở tự viện thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Cơ sở tự viện được thành lập Ban Quản trị.

Điều 42. Ban Quản trị cơ sở tự viện là tổ chức tôn giáo trực thuộc cấp cơ sở của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, chịu sự quản lý và lãnh đạo thống nhất của Giáo hội cấp trên theo Hiến chương và quy chế của Giáo hội. Ban Quản trị cơ sở tự viện là cơ quan hành chính, điều hành, quản lý trực tiếp mọi mặt hoạt động Phật sự tại các cơ sở tự viện.

Điều 43. Thành lập, bổ nhiệm lãnh đạo và nhiệm kỳ của Ban Quản trị cơ sở tự viện

1. Ban Quản trị cơ sở tự viện do Ban Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố quyết định thành lập, bổ nhiệm ban lãnh

đạo, quy định số lượng thành viên và ban hành quy chế hoạt động của Ban Quản trị cơ sở tự viện.

2. Nhiệm kỳ của Ban Quản trị cơ sở tự viện là 05 năm, tương ứng với kỳ Đại hội đại biểu Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố. Ban Quản trị cơ sở tự viện không tiến hành đại hội.

Điều 44. Cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản trị cơ sở tự viện

1. Cơ cấu thành phần Ban Quản trị cơ sở tự viện gồm:

a) Trưởng ban;

b) Phó Trưởng ban;

c) Thư ký;

d) Thủ quỹ;

đ) Kiểm soát;

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản trị cơ sở tự viện gồm:

a) Tổ chức thực hiện chủ trương, đường hướng, chương trình hoạt động Phật sự tại tự viện theo sự hướng dẫn của Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp trên.

b) Xây dựng chương trình hoạt động hàng năm của tự viện theo nghị quyết, chương trình hoạt động của Đại hội đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp đề ra.

c) Tổ chức triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chương trình hoạt động Phật sự toàn nhiệm kỳ, chương trình hoạt động Phật sự hàng năm, chương trình chuyên biệt và những sự kiện trọng đại tại tự viện.

d) Quản lý và sử dụng con dấu Ban Quản trị cơ sở tự viện.

đ) Mở tài khoản tự viện tại ngân hàng; lập hệ thống sổ sách quản lý thu chi tiền công đức, tài trợ cho tự viện.

e) Kiểm tra, hướng dẫn, quản lý, điều hành các mặt công tác Phật sự của các thành viên tại cơ sở tự viện.

g) Các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định tại quy chế hoạt động của Ban Quản trị cơ sở tự viện.

h) Quản lý sinh hoạt của các đạo tràng, câu lạc bộ Phật tử tại cơ sở tự viện. Báo cáo Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố nơi đạo tràng, câu lạc bộ Phật tử sinh hoạt và thực hiện đăng ký, hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định của pháp luật.

i) Có các quyền và nghĩa vụ khác của tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định của pháp luật Nhà nước và của Giáo hội.

Điều 45. Trưởng Ban Quản trị cơ sở tự viện

1. Trụ trì hoặc cấp tương đương đối với các trường hợp đặc thù là Trưởng Ban Quản trị cơ sở tự viện. Các thành viên của Ban Quản trị cơ sở tự viện là tăng ni, cư sĩ, tín đồ Phật tử có uy tín, năng lực làm việc, có đạo hạnh tốt, có công đức đối với đạo pháp và dân tộc.

2. Chức năng, quyền hạn của Trưởng Ban Quản trị cơ sở tự viện:

a) Là người thay mặt Ban Quản trị cơ sở tự viện về mặt pháp lý trong các mối quan hệ của Ban Quản trị cơ sở tự viện ở trong và ngoài tự viện.

b) Trưởng Ban Quản trị cơ sở tự viện hoặc người được Trưởng Ban Quản trị cơ sở tự viện ủy quyền, giữ quyền phát ngôn của tự viện.

c) Khi Trưởng Ban Quản trị cơ sở tự viện có duyên sự đặc biệt phải vắng mặt, sẽ ủy quyền bằng văn bản cho Phó Trưởng ban để điều hành các công việc của Ban Quản trị cơ sở tự viện.

CHƯƠNG VIII
ĐẠI HỘI - HỘI NGHỊ - HỘI THẢO

Điều 46. Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc

1. Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức 05 năm một kỳ, do Chủ tịch Hội đồng Trị sự triệu tập để tổng kết hoạt động Phật sự của Giáo hội trong 05 năm nhiệm kỳ; đề ra phương hướng, mục tiêu, chương trình hoạt động của 05 năm nhiệm kỳ tiếp theo; suy tôn bổ sung thành viên Hội đồng Chứng minh; suy cử Hội đồng Trị sự; suy tôn tấn phong hàng giáo phẩm; sửa đổi Hiến chương; thông qua nghị quyết đại hội, và các nội dung quan trọng khác của Giáo hội.

2. Thành viên Hội đồng Chứng minh; Ủy viên Hội đồng Trị sự; đại biểu các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố và các cơ sở tự viện, tổ chức của Giáo hội tại nước ngoài là đại biểu chính thức tham dự đại hội.

Điều 47. Đại nghị và hội nghị của Hội đồng Chứng minh

1. Đại nghị và hội nghị của Hội đồng Chứng minh do Đức Pháp chủ triệu tập để xem xét, phê chuẩn các sự kiện, Phật sự trọng đại của Giáo hội; phê chuẩn tấn phong hàng giáo phẩm; suy cử Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, Ban Giám luật và các Ban chuyên môn của Hội đồng Chứng minh.

2. Khi cần thiết, Đức Pháp chủ sẽ triệu tập Hội nghị Hội đồng Chứng minh bất thường và được Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh chấp thuận hoặc 2/3 tổng số thành viên Hội đồng Chứng minh đề nghị.

Điều 48. Hội nghị toàn thể Hội đồng Trị sự và Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự

1. Hội nghị toàn thể Hội đồng Trị sự và Hội nghị Ban Thường trực Hội đồng Trị sự do Chủ tịch Hội đồng Trị sự triệu tập để sơ kết, tổng kết công tác Phật sự trong năm hoạt động và đề ra chương trình hoạt động Phật sự cho năm tiếp theo của nhiệm kỳ; công tác tổ chức, nhân sự thuộc thẩm quyền của Hội đồng Trị sự.

2. Thành phần tham gia Hội nghị toàn thể Hội đồng Trị sự gồm:

a) Lãnh đạo Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh;

b) Ủy viên, Ủy viên dự khuyết Hội đồng Trị sự;

c) Trưởng ban, Phó Trưởng ban Thường trực, đại biểu tiêu biểu các Ban, Viện Trung ương.

3. Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Trị sự sẽ triệu tập Hội nghị bất thường Hội đồng Trị sự. Hội nghị sẽ do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự đề nghị hoặc 2/3 tổng số thành viên Hội đồng Trị sự đề nghị. Thành phần tham dự hội nghị bất thường theo thành phần Hội nghị toàn thể Hội đồng Trị sự như quy định ở trên.

Điều 49. Đại hội, Hội nghị của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố

1. Đại hội đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố tổ chức 05 năm một kỳ, do Trưởng ban Ban Trị sự triệu tập để tổng kết hoạt động Phật sự của Ban Trị sự trong 05 năm nhiệm kỳ; đề ra phương hướng, mục tiêu, chương trình hoạt động của 05 năm nhiệm kỳ tiếp theo; suy tôn bổ sung Chứng minh Ban Trị sự; suy cử Ban Trị sự; thông qua nghị quyết đại hội và các nội dung quan trọng khác của Ban Trị sự.

2. Ủy viên, Ủy viên dự khuyết Ban Trị sự và đại biểu theo sự phân bổ của Ban Thường trực Ban Trị sự tỉnh, thành phố đối với các Ban Đại diện liên xã, phường, đặc khu và các cơ sở tự viện là đại biểu chính thức tham dự Đại hội.

3. Đại hội đại biểu Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố phải kết thúc trước Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc và thực hiện theo thông tư hướng dẫn của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự.

4. Hội nghị của Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố do Trưởng ban Ban Trị sự tỉnh, thành phố triệu tập một năm 02 kỳ để sơ kết, tổng kết công tác Phật sự hàng năm và được tổ chức trước khi diễn ra Hội nghị toàn thể Hội đồng Trị sự thường niên của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

5. Khi cần thiết, Trưởng ban Ban Trị sự tỉnh, thành phố triệu tập Hội nghị bất thường do Ban Thường trực Ban Trị sự tỉnh, thành phố đề nghị hoặc 2/3 tổng số thành viên Ban Trị sự đề nghị.

6. Hội nghị của Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố giữa nhiệm kỳ do Trưởng ban Ban Trị sự triệu tập, để sơ kết công tác Phật sự giữa nhiệm kỳ, bổ sung nhân sự khuyết vị.

Điều 50. Hội thảo khoa học

1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố; Học viện Phật giáo Việt Nam, cơ sở giáo dục, đào tạo của Giáo hội và các tổ chức tôn giáo trực thuộc Giáo hội được tổ chức hội thảo khoa học về các lĩnh vực Phật học, giáo lý, giới luật, lịch sử, văn hóa Phật giáo, công tác tổ chức Giáo hội, hoạt động Phật sự và các lĩnh vực khác phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Giáo hội và quy định của pháp luật.

2. Hội đồng Trị sự quyết định chủ trương tổ chức hội thảo cấp toàn quốc, hội thảo quốc tế do Giáo hội chủ trì và phân cấp, ủy quyền theo quy định. Ban Trị sự tỉnh, thành phố; các Ban, Viện Trung ương; cơ sở đào tạo Phật học, tổ chức tôn giáo trực thuộc và cơ sở tự viện tổ chức hội thảo theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền.

3. Việc tổ chức hội thảo phải bảo đảm nội dung phù hợp với giáo lý, giới luật, hiến chương, quy chế, nội quy Giáo hội và pháp luật; tôn trọng truyền thống các hệ phái, giữ gìn đoàn kết, hòa hợp trong Giáo hội.

4. Hội thảo được tổ chức trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp. Việc mời tổ chức, cá nhân nước ngoài tham dự hoặc phối hợp tổ chức hội thảo quốc tế thực hiện theo quy định của Giáo hội và pháp luật.

5. Cơ quan, tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm về nội dung, chương trình, thành phần, kinh phí, kết quả hội thảo và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

6. Hội đồng Trị sự ban hành quy chế tổ chức hội thảo trong Giáo hội.

CHƯƠNG IX
GIÁO PHẨM VÀ THÀNH VIÊN GIÁO HỘI

Điều 51. Giáo phẩm và thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam

1. Giáo phẩm: Giáo phẩm Tăng có Hòa thượng và Thượng tọa; Giáo phẩm Ni có Ni trưởng và Ni sư.

2. Đại chúng: Tỳ kheo, Tỳ kheo ni; Sa di, Sa di ni; Thức xoa ma na, Tu nữ hệ phái Nam tông.

3. Cư sĩ, tín đồ Phật tử.

Điều 52. Nguyên tắc, điều kiện, tiêu chuẩn phong hàng giáo phẩm

1. Nguyên tắc:

a) Việc phong hàng giáo phẩm, bổ nhiệm, suy cử, thuyên chuyển, cách chức, bãi nhiệm và đình chỉ chức sắc tăng ni, nhà tu hành thực hiện theo giáo luật Phật chế, Hiến chương, quy chế của Giáo hội và Luật Tín ngưỡng, tôn giáo.

b) Bảo đảm tự nguyện, công tâm, đúng tiêu chuẩn, đúng thẩm quyền, công khai về trình tự trong nội bộ, tôn trọng truyền thống hệ phái và sự hòa hợp

Tăng đoàn; nghiêm cấm sử dụng hồ sơ giả mạo, mua bán chức vụ, phẩm vị hoặc lợi dụng thẩm quyền để vụ lợi.

c) Thủ tục thông báo, đăng ký và các nghĩa vụ đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền được thực hiện theo pháp luật tại thời điểm tiến hành.

2. Điều kiện, tiêu chuẩn được phong phẩm:

a) Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Hội nghị toàn thể Hội đồng Trị sự phê chuẩn danh sách tấn phong hàng giáo phẩm Hòa thượng đối với các vị Thượng tọa và Ni trưởng đối với các vị Ni sư tuổi đời từ 60 tuổi đời và 40 tuổi đạo trở lên; tấn phong hàng giáo phẩm Thượng tọa đối với các vị Đại đức và Ni sư đối với các vị Sư cô từ 45 tuổi đời và 25 tuổi đạo trở lên, có đạo hạnh tốt, có công đức với đạo pháp và dân tộc, có đóng góp cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam và đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

b) Trong trường hợp đặc biệt, Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh xem xét phê chuẩn tấn phong giáo phẩm trước thời hạn trên cơ sở đề nghị của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự, trình Đức Pháp chủ ban hành giáo chỉ.

c) Các trường hợp đặc biệt được xét đặc cách tấn phong trước 03 năm theo hạ lạp gồm: Chư tôn đức Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Tổng Thư ký, Phó Tổng Thư ký, Trưởng ban chuyên môn Trung ương, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học, Viện trưởng Học viện Phật giáo Việt Nam; Chư tôn đức là Trưởng ban Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố; Tăng Ni trụ trì các chùa thuộc vùng biên giới, hải đảo, dân tộc thiểu số phải có thời gian trụ trì từ 02 năm trở lên.

3. Thẩm quyền quyết định phong phẩm:

a) Hội đồng Chứng minh thực hiện việc xét duyệt, phê chuẩn hoặc quyết định tấn phong hàng giáo phẩm theo thẩm quyền được Hiến chương quy định; Hội đồng Trị sự tổ chức quy trình đề nghị, tổng hợp hồ sơ, xét duyệt, công bố và thực hiện thủ tục trình tấn phong hàng giáo phẩm.

b) Thủ tục tấn phong hàng giáo phẩm do Ban Trị sự tỉnh, thành phố đề nghị lên Ban Thường trực Hội đồng Trị sự để xét duyệt, sau đó đệ trình Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh phê chuẩn, được Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoặc Hội nghị toàn thể Hội đồng Trị sự phê chuẩn tấn phong bằng nghị quyết Hội nghị và nghị quyết Đại hội. Giáo chỉ tấn phong do Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam ấn ký và có giá trị trọn đời.

Điều 53. Cách thức tấn phong hàng giáo phẩm, bổ nhiệm, suy cử, thuyên chuyển

1. Hồ sơ nhân sự gồm văn bản đề nghị, lý lịch, tài liệu chứng minh điều kiện, tiêu chuẩn, ý kiến của tổ chức quản lý trực tiếp và các tài liệu khác theo quy chế của Giáo hội.

2. Phong phẩm được thực hiện qua các bước: đề cử; kiểm tra điều kiện và hồ sơ; thẩm định về đạo hạnh, giới luật; xét duyệt của Ban Trị sự, Ban Tăng sự Trung ương, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự. Hội đồng Trị sự ban hành văn bản và trình Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh phê chuẩn và công bố kết quả. Hội đồng Trị sự cử hành nghi thức tấn phong hàng giáo phẩm tại Đại hội hoặc Hội nghị toàn thể Hội đồng Trị sự.

3. Bổ nhiệm được thực hiện qua các bước: xác định nhu cầu; giới thiệu nhân sự; lấy ý kiến theo quy định; thẩm định; quyết định bằng văn bản; bàn giao nhiệm vụ; thực hiện đăng ký hoặc thông báo theo pháp luật.

4. Suy cử thực hiện tại đại hội hoặc hội nghị hợp lệ, theo số lượng, cơ cấu, điều kiện ứng cử, đề cử, tỷ lệ biểu quyết và thể thức đã được Hiến chương, quy chế đại hội quy định; lập biên bản, công bố và phê chuẩn kết quả theo thẩm quyền.

5. Thuyên chuyển chức sắc:

a) Việc thuyên chuyển do Hội đồng Trị sự và Ban Trị sự quyết định bằng văn bản, ghi rõ nơi đi, nơi đến, nhiệm vụ, thời điểm có hiệu lực, trách nhiệm bàn giao và thời hạn thực hiện.

b) Trường hợp thuyên chuyển liên quan chức vụ hoặc nơi hoạt động tôn giáo thuộc diện phải đăng ký, thông báo với cơ quan nhà nước, tổ chức có trách nhiệm hoàn tất thủ tục theo pháp luật.

Điều 54. Thành viên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam có quyền được đề cử và được suy cử vào các cấp Giáo hội, có quyền thảo luận và biểu quyết công việc của Giáo hội trong các kỳ Hội nghị hay Đại hội của Giáo hội, có nhiệm vụ chấp hành Hiến chương, quy chế, nội quy và nghị quyết của Giáo hội.

Điều 55. Tín đồ Phật giáo Việt Nam là những người có niềm tin đối với Phật pháp, thực hành theo giáo lý Đức Phật; những người yêu mến, kính ngưỡng đạo Phật.

Điều 56. Quản lý tự viện, sinh hoạt tăng ni, cư sĩ, tín đồ Phật tử được quy định trong quy chế của các ban chuyên môn của Hội đồng Trị sự.

CHƯƠNG X
TÀI CHÍNH - TÀI SẢN

Điều 57. Tài chính của Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm có:

1. Niên liễm do các thành viên đóng góp.

2. Tài chính do các tăng ni, cư sĩ, phật tử; tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài công đức, hiến cúng.

3. Tài chính do Giáo hội tự tạo.

Điều 58. Tài sản của Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm động sản, bất động sản và các quyền tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

1. Giáo hội xây dựng, tạo mãi, hưởng thừa kế, tiếp nhận, tặng cho, công đức, cúng dường, quyên góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

2. Các thành viên tăng ni, cư sĩ, tín đồ Phật tử thuộc các tổ chức Giáo hội, tổ chức hội, hệ phái Phật giáo qua các thời kỳ xây dựng, tạo mãi, hưởng thừa kế, được Giáo hội bảo hộ và quản lý chung theo quy định của pháp luật.

3. Công trình tôn giáo, các tài sản hình thành và tài sản hình thành trong tương lai gắn với các dự án gắn liền với quyền sử dụng đất được giao cho mục đích tôn giáo do Giáo hội hoặc các tổ chức tôn giáo trực thuộc Giáo hội đầu tư, tạo lập, phát triển, quản lý theo quy định của pháp luật.

4. Các tài sản khác được tạo lập hợp pháp bởi Giáo hội, các tổ chức tôn giáo trực thuộc Giáo hội.

5. Giáo sản được giải quyết căn cứ theo quy định chung của pháp luật về tài sản.

Điều 59. Tài sản của tổ chức tôn giáo trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam:

1. Các tổ chức tôn giáo trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam có quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản hợp pháp do tổ chức, cư sĩ, tín đồ Phật tử, cá nhân trong nước và nước ngoài tự nguyện tặng cho, công đức, cúng dường, quyên góp cho tổ chức tôn giáo trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tài sản riêng của tổ chức tôn giáo trực thuộc và phải được tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý, sử dụng, định đoạt đúng mục đích, phù hợp với giáo lý, quy định của Giáo hội và pháp luật.

3. Các tổ chức tôn giáo trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam có nghĩa vụ đóng góp tài sản cho hoạt động chung của Giáo hội theo quy định của Giáo hội là Hội đồng Trị sự.

Điều 60. Tài sản của thành viên Giáo hội:

1. Thành viên Giáo hội có quyền sở hữu tài sản với tư cách công dân theo quy định của pháp luật.

2. Tài sản hợp pháp do tổ chức, cư sĩ, phật tử, cá nhân trong nước và nước ngoài tự nguyện tặng, cho, công đức, cúng dường riêng cho cá nhân thành viên Giáo hội có xác nhận hợp pháp theo quy định của pháp luật thì thuộc sở hữu của thành viên Giáo hội, và được sử dụng, định đoạt phù hợp với giáo lý, quy định của Giáo hội và pháp luật Nhà nước.

3. Thành viên Giáo hội có nghĩa vụ đóng góp tài sản cho hoạt động chung của Giáo hội theo quy định của cơ quan có thẩm quyền của Giáo hội.

4. Khuyến khích thành viên Giáo hội sử dụng tài sản riêng cho hoạt động Phật sự và từ thiện xã hội.

CHƯƠNG XI
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 61. Thẩm quyền, đối tượng xét khen thưởng - kỷ luật

1. Chủ tịch Hội đồng Trị sự là Trưởng ban chỉ đạo và ra quyết định thành lập Ban khen thưởng, kỷ luật ở cấp trung ương. Ban Thường trực Hội đồng Trị sự quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với Ủy viên Hội đồng Trị sự, Ủy viên các Ban, Viện Trung ương, Ủy viên Ban Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố; các tập thể, cá nhân do Ban, Viện Trung ương, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố đề nghị.

2. Trưởng ban Ban Trị sự tỉnh, thành phố là Trưởng ban chỉ đạo và ra quyết định thành lập Ban khen thưởng, kỷ luật ở cấp địa phương. Ban Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với Ủy viên Ban Trị sự, Ủy viên các Ban chuyên môn của Ban Trị sự tỉnh, thành phố; các tập thể, cá nhân do cơ sở tự viện thuộc Ban Trị sự tỉnh, thành phố đề nghị.

Điều 62. Hình thức khen thưởng, giải thưởng

1. Giải thưởng Phật Hoàng Trần Nhân Tông: do Hội đồng Trị sự quyết định tặng cho các tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc, công đức to lớn đối với đạo pháp và dân tộc.

2. Bằng Tuyên dương công đức: do Hội đồng Trị sự quyết định tặng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, nhiều công đức đối với đạo pháp và dân tộc.

3. Bằng Công đức: do Ban, Viện Trung ương; Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh, thành phố quyết định tặng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc cho sự phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Điều 63. Hình thức kỷ luật

1. Thành viên Giáo hội vi phạm giáo luật, Hiến chương, quy chế hoặc nội quy thì tùy tính chất, mức độ vi phạm được xem xét xử lý theo giáo luật và quy định của Giáo hội. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Giáo hội phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Căn cứ xem xét gồm vi phạm nghiêm trọng giới luật, Hiến chương, quy chế, nội quy; vi phạm pháp luật; không còn đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn; không thực hiện nhiệm vụ; lạm dụng chức vụ hoặc các trường hợp khác được Hiến chương, quy chế quy định cụ thể.

3. Hình thức kỷ luật tẩn xuất, khai trừ, cách chức, bãi nhiệm, đình chỉ:

a) Tẩn xuất, khai trừ là mức kỷ luật nghiêm khắc cao nhất khai trừ Tăng Ni ra khỏi Tăng đoàn và Giáo hội do vi phạm rất nghiêm trọng giới luật, đạo hạnh, phá hòa hợp tăng và vi phạm nghiêm trọng pháp luật Nhà nước.

b) Cách chức là chấm dứt việc đảm nhiệm chức vụ theo quyết định của Hội đồng Trị sự do vi phạm hoặc không còn đáp ứng yêu cầu chức vụ.

c) Bãi nhiệm là chấm dứt tư cách giữ chức vụ trong Giáo hội.

d) Đình chỉ là tạm thời dừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong thời gian xác minh, xem xét hoặc khi có căn cứ cần thiết.

4. Quyết định đình chỉ phải nêu rõ lý do, phạm vi, thời hạn, quyền và nghĩa vụ trong thời gian đình chỉ; hết thời hạn phải có quyết định gia hạn hợp lệ, khôi phục nhiệm vụ hoặc xử lý theo thẩm quyền. Người bị xử lý có quyền đề nghị xem xét lại hoặc khiếu nại trong nội bộ Giáo hội theo quy chế.

5. Việc cách chức, bãi nhiệm hoặc đình chỉ chức vụ không đương nhiên làm mất phẩm vị giáo phẩm hoặc tư cách nhà tu hành. Việc xử lý giới phẩm, tư cách thành viên hoặc phẩm vị được xem xét riêng theo giáo luật và thẩm quyền tương ứng.

6. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu hoặc quyết định đình chỉ theo pháp luật, tổ chức Giáo hội có liên quan phải thực hiện và phối hợp theo quy định.

Điều 64. Giải quyết tranh chấp nội bộ Giáo hội

1. Tranh chấp nội bộ Giáo hội là những bất đồng, mâu thuẫn phát sinh giữa các tổ chức, cá nhân thuộc Giáo hội liên quan đến tổ chức, nhân sự, chức vụ, thẩm quyền, sinh hoạt tu học, hoạt động tự viện, tài chính, tài sản và các vấn đề nội bộ khác thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiến chương, quy chế, nội quy của Giáo hội.

2. Việc giải quyết tranh chấp phải tuân thủ giáo lý, giới luật, tinh thần lục hòa cộng trụ, Hiến chương, quy chế, nội quy của Giáo hội và pháp luật; bảo đảm khách quan, công bằng, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, giữ gìn đoàn kết, hòa hợp và ổn định của Giáo hội.

3. Tranh chấp được ưu tiên giải quyết bằng đối thoại, hòa giải. Trường hợp hòa giải không thành, tranh chấp được giải quyết theo thẩm quyền của cơ quan Giáo hội quản lý trực tiếp hoặc cơ quan Giáo hội cấp trên.

4. Ban Trị sự tỉnh, thành phố giải quyết tranh chấp thuộc phạm vi quản lý. Ban Thường trực Hội đồng Trị sự giải quyết tranh chấp giữa các tổ chức tôn

giáo trực thuộc thuộc thẩm quyền Trung ương, tranh chấp vượt quá thẩm quyền của Ban Trị sự tỉnh, thành phố hoặc vụ việc phức tạp ảnh hưởng đến sự đoàn kết, thống nhất của Giáo hội.

CHƯƠNG XII

HIỆU LỰC CỦA HIẾN CHƯƠNG VÀ SỬA ĐỔI HIẾN CHƯƠNG

Điều 65. Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất của Giáo hội.

Điều 66. Dự án sửa đổi Hiến chương do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự xây dựng và trình Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự thẩm tường.

Điều 67. Dự án sửa đổi Hiến chương do Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam thông qua với 2/3 tổng số đại biểu Đại hội biểu quyết.

Điều 68. Nguyên tắc áp dụng:

Việc tham gia Giáo hội Phật giáo Việt Nam là tự nguyện trên cơ sở chấp hành tuyệt đối quy định của Hiến chương và nội quy của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Các quyền, nghĩa vụ của thành phần thuộc Giáo hội đúng với giáo lý, Hiến chương và quy chế, nội quy của Giáo hội nhưng bị cấm hoặc hạn chế so với quy định pháp luật thì áp dụng theo quy định của pháp luật.

Các hành vi không bị pháp luật cấm hoặc hạn chế thì các thành phần thuộc Giáo hội được thực hiện nhưng phải phù hợp với giáo lý, Hiến chương và nội quy của Giáo hội.

Các thành phần không tự nguyện tuân thủ quy định của Giáo hội thì thực hiện thủ tục khai trừ, chấm dứt là thành phần thuộc Giáo hội và không bắt buộc phải áp dụng quy định của Giáo hội kể từ ngày chính thức chấm dứt tư cách là thành phần thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Điều 69. Hiến chương có giá trị thi hành sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

Điều 70. Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm có: Lời nói đầu, 12 chương và 70 điều.

Hiến chương sửa đổi lần thứ VIII được xây dựng trên cơ sở kế thừa những ưu việt của Hiến chương đầu tiên (1981) và các Hiến chương sửa đổi qua các kỳ Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc từ năm 1981 đến năm 2026.

Hiến chương được chính thức thông qua tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc Giáo hội Phật giáo Việt Nam lần thứ X, nhiệm kỳ 2026 - 2031./.